TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN VĂN NHU**
2. Ông **ĐỖ DUY HỪNG**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **HỨA QUỐC THÁI** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên toà.*

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **LÊ THỊ THANH NG,** sinh năm 1998.
Địa chỉ: ấp Hòa Quí, xã Hòa Kh, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.
Chổ ở hiện nay: ấp 4, xã Phú A, huyện Cai L, tỉnh Tiền G.
2. Bị đơn: Anh **LÊ NGỌC N,** sinh năm 1994.
Địa chỉ: ấp Hòa Q, xã Hòa Kh, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.
(Chị Ng có mặt, anh Nh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Ng trình bày:

Do quen biết chị và anh Nh chính thức xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Kh. Sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Nh thường xuyên uống rượi kiếm cớ đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ tháng 2 năm 2023 cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Nh.

Về con chung: Có hai cháu tên Lê Hoàng Vỹ Ph, sinh ngày 12/03/2017; Lê Hoàng Phúc Th, sinh ngày 04/01/2020 hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành và lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Ngọc Nh không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Lê Ngọc Nh vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, chị Ng trình bày do quen biết nên chị và anh Nh xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Kh, huyện Cái B, tỉnh Tiền G. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Nh thường xuyên uống rượi kiếm cớ đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi và anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 2 năm 2023 cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Nh. Xét thấy, cho chị Ng được ly hôn anh Nh là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ và tại phiên tòa hôm nay chị Ng khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nh. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Nh để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh Nh vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Ng nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Lê Hoàng Vỹ Ph, sinh ngày 12/03/2017; Lê Hoàng Phúc Th, sinh ngày 04/01/2020 hiện đang sống với chị Ng. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho chị Ng nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định với chị Ng từ khi vợ chồng ly thân đến nay cũng như bản thân cháu Ph có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Nh không cung cấp bất kỳ văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của chị Ng. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập của các cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa và trong quá trình giải quyết, chị Ng yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 1.000.000đồng/tháng/cháu. Xét thấy, yêu cầu của chị Ng là có cơ sở để chấp nhận và

phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình là *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Từ đó, buộc anh Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 1.000.000đồng/tháng/cháu (tức là 2.000.000đồng/tháng/02cháu) đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và lao động được là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung:* Chị Ng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như anh Nh không có ý kiến gì liên quan đến tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] *Về nợ chung:* Chị Ng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như anh Nh không có ý kiến gì liên quan đến nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh Ng. Cho chị Lê Thị Thanh Ng được ly hôn anh Lê Ngọc Nh.

Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Hoàng Vỹ Ph, sinh ngày 12/3/2017 và Lê Hoàng Phúc Th, sinh ngày 04/01/2020 cho chị Lê Thị Thanh Ng được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Ngọc Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Lê Hoàng Vỹ Ph, sinh ngày 12/3/2017 và Lê Hoàng Phúc Th, sinh ngày 04/01/2020 với số tiền 1.000.000đồng/tháng/cháu (2.000.000đồng/tháng/02cháu). Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nh chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Chị Lê Thị Thanh Ng phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014976 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như thi hành xong.

Anh Lê Ngọc Nh phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Kh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ÂU THỊ THẢO